

Số: 1109/2025/QĐST-DS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 566/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; Địa chỉ: Căn hộ B, lô B, tầng 17, chung cư P, số E đường N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982; Địa chỉ liên hệ: Số B đường Đ, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh) (Văn bản ủy quyền số 008249, quyền số 12/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/12/2024 tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Công ty Cổ phần X; Địa chỉ: Số H đường D, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Huỳnh Hữu Đ1, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số B đường Đ, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) (Văn bản ủy quyền số 50/UQ/2024 ngày 17/12/2024).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Bà Nguyễn Thị T và Công ty Cổ phần X cùng thống nhất hai bên tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán số 834/HĐMB-PT ngày 08/12/2011 đối với Dự

án khu căn hộ cao tầng P - C1 tại địa chỉ số E đường N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh)

b) Chậm nhất vào ngày 31/12/2027, Công ty Cổ phần X có trách nhiệm thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn hộ có đặc điểm: Loại căn hộ: X4, căn hộ số: B06, Block: B, tầng: 17; diện tích là 82m²; thuộc Khu C tại địa chỉ số E N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh)

Khi Công ty Cổ phần X thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn hộ nêu trên, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 5% còn lại của của Hợp đồng mua bán số 834/HĐMB-PT ngày 08/12/2011, tương ứng với số tiền là 59.450.000 đồng (Năm mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Hết thời hạn nêu trên, Công ty Cổ phần X không thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn hộ nêu trên thì bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn hộ có đặc điểm: Loại căn hộ: X4, căn hộ số: B06, Block: B, tầng: 17; diện tích là 82m²; thuộc Khu C tại địa chỉ số E N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Công ty Cổ phần X có nghĩa vụ cung cấp những giấy tờ và hoàn thiện các thủ tục có liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn hộ nêu trên mà Công ty Cổ phần X đang giữ cho bà Nguyễn Thị T và cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu.

Các chi phí, lệ phí, thuế (nếu có) liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn hộ nêu trên thì hai bên cùng chịu theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Án phí hoà giải thành dân sự sơ thẩm là 1.786.250 đồng (Một triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng) do Công ty Cổ phần X tự nguyện chịu.

H lại số tiền 300.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0054179 ngày 19/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 9, TP . HCM;
- THADS TP . Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, hồ sơ (Thành)

THẨM PHÁN

Đinh Thị Hương